

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 01 tháng 02 năm 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ba.
2. Bà Lê Thị Minh Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diễm Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 750/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Lê Hiếu N**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh T.

2/ Bị đơn: Chị **Lê Thị Ng**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 37/3A, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt anh N, vắng mặt chị Ng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Lê Hiếu N trình bày: Anh và chị Lê Thị Ng qua tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố M vào ngày 10/3/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, hàn gắp nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Ng.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Hiếu D, sinh ngày 10/7/2011. Anh N yêu cầu giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 08/01/2021, bị đơn chị Lê Thị Ng trình bày:

Chị đồng ý ly hôn với anh Lê Hiếu N.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Hiếu D, sinh ngày 10/7/2011. Chị đồng ý nuôi dưỡng con chung, anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N, giao cháu Lê Hiếu D, sinh ngày 10/7/2011 cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu D, anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Ng nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngọc theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hiếu N và chị Lê Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Mỹ Tho cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, anh N trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với chị Ng và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Chị Ng có văn bản trình bày đồng ý ly hôn với anh N. Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập chị Ng đến Tòa án nhưng chị có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án, Chị Ng không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Lê Hiếu D, sinh ngày 10/7/2011. Anh N yêu cầu giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu D đang sống với chị Ng và có nguyện vọng sống với chị Ng, chị Ng có văn bản đồng ý nuôi dưỡng cháu Dũng và anh Nghĩa cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu D nên giao cháu D cho chị Ng nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hiếu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hiếu được ly hôn với chị Lê Thị Ng;

- Về con chung: Giao cháu Lê Hiếu D, sinh ngày 10/7/2011 cho chị Lê Thị Ng nuôi dưỡng, anh Lê Hiếu N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh N chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Lê Hiếu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Anh N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002337 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường S, TP M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni